TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 241/2024/HS-PT
Ngày: 24/12/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Tuấn**.

Các Thẩm phán: Ông **Mai Văn Hùng Cường**;

Ông **Võ Trung Hiếu**.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Trần Thu Hà** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà **Đỗ Thị Phương Thảo**, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 196/2024/TLPT-HS ngày 08 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo Lê Văn Tuấn K do có kháng cáo của bị hại Phạm Thị Ngọc H đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 74/2024/HS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

** Bị cáo bị kháng cáo:*

Lê Văn Tuấn K, sinh ngày 22 tháng 12 năm 1992 tại tỉnh Tiền Giang; Căn cước công dân số: 082092004570;

- Nơi cư trú: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

- Nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hoá: 09/12;

- Dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam;

- Con ông Lê Văn V và bà Cao Thị N; Chưa có vợ, con;

- Tiền án: không; tiền sự: không;

- Nhân thân: Ngày 13/6/2018, bị Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo Bản án số 196/2018/HS-ST (Đã chấp hành xong bản án ngày 04/01/2019).

- Tạm giam: 05/02/2024 đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

** Người đại diện hợp pháp của bị cáo:* Ông **Lê Văn V**, sinh năm 1968.

Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Có mặt).

** Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư **Phạm Thị Tuyết M**, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang (Có mặt).

** Bị hại có kháng cáo:* **Phạm Thị Ngọc H**, sinh năm 2002.

Địa chỉ: ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Có mặt).

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại*: Luật sư **Nguyễn Văn D**, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang (Có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án có 01 người bị hại, 01 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo; Bản án không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 45 phút ngày 08/10/2023, sau khi đã uống rượu, K điều khiển xe mô tô biển số 63B2-017.48 của ông Lê Văn V (cha ruột của K) đến nhà của chị H tìm chị H để nói chuyện. Trước khi đi, K có đem theo một con dao loại dao xếp bằng kim loại lưỡi dao có cạnh sắc, mũi dao nhọn để trong túi quần phía trước bên phải. Khoảng 11 giờ cùng ngày, K đến nhà chị H rồi đi vào bên trong nhà, lúc này chị H và chị Võ Thị T (chị ruột của chị H) đang ngồi trên sàn nước phía sau nhà chuẩn bị đồ ăn. K nói chuyện rồi xảy ra cự cãi với chị H và chị T, K liền lấy con dao xếp trong túi quần ra cầm trên tay trái đi đến sàn nước đâm chị H 05 cái trúng vào vai trái, lưng trái, cánh tay trái, ngực trái và cẳng tay trái của chị H gây thương tích. Chị T ôm K lại để can ngăn thì bị té ngã, K tiếp tục giằng co với chị T, lúc này K đang cầm con dao xếp trên tay nên trúng vào bàn tay phải và mông phải của chị T gây thương tích. Sau đó, bà Phạm Thị Q (mẹ ruột của chị H và chị T) chạy đến căn ngăn thì K ném con dao xếp xuống sàn nước, còn chị T và chị H được người dân đưa đi cấp cứu;

Kết luận giám định số 393 ngày 14/11/2023 của Trung tâm pháp y – Sở Y tế Tiền Giang, kết luận chị Phạm Thị Ngọc H: Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 12%; Thương tích do vật sắc nhọn gây nên;

Kết luận giám định số 394 ngày 14/11/2023 Trung tâm pháp y – Sở Y tế Tiền Giang, kết luận chị Võ Thị T: Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 04%;

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 con dao loại dao xếp bằng kim loại dài 24cm, lưỡi dao dài 10,5cm bề rộng lưỡi 2,5cm;

- 01 xe mô tô biển số 63B2-017.48;

- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 63B2-017.48;

- 01 cái áo khoác bằng vải màu đen, tay áo có màu trắng và màu tím (tình trạng áo đã cũ, trên áo có vết rách và dính chất màu đỏ nghi là máu).

Về xử lý vật chứng: Ngày 10/12/2023, Cơ quan điều tra đã trao trả lại xe mô tô biển số 63B2-017.48 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 63B2-017.48 cho chủ sở hữu là ông Lê Văn V.

Quá trình điều tra, bị cáo Lê Văn Tuấn K có biểu hiện bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nên Cơ quan điều tra trưng cầu giám định pháp y về tâm thần đối với K. Theo Bản kết luận giám định pháp y tâm thần theo trưng cầu số 115 ngày 12/4/2024 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Tây Nam Bộ - Bộ Y tế kết luận Lê Văn Tuấn K:

+ Về y học: Trước, trong, sau khi gây án và hiện tại: Trạng thái loạn thần di chứng và khởi phát muộn do sử dụng nhiều loại ma túy và các chất tác động tâm thần khác (F19.7-ICD10).

+ Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Tại thời điểm gây án và hiện tại: Đương sự hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, đã có biến đổi nhân cách và hành vi.

+ Nguyên nhân hình thành bệnh: Do đương sự sử dụng kéo dài nhiều loại ma túy và chất tác động tâm thần.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 74/2024/HS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

* Tuyên bố bị cáo Lê Văn Tuấn K phạm tội "Cố ý gây thương tích";

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 38; điểm b, q, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn Tuấn K (03) Ba năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 05/02/2024.

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 357; khoản 2 Điều 468; Điều 584; Điều 586; Điều 590 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Lê Văn Tuấn K có trách nhiệm bồi thường thiệt hại tiếp cho chị Phạm Thị Ngọc H số tiền là 33.000.000 đồng, bồi thường ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng, án phí và thông báo về quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

- Ngày 04/9/2024, bị hại Phạm Thị Ngọc H có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị tăng nặng hình phạt đối với bị cáo K và buộc bị cáo bồi thường toàn bộ thiệt hại cho chị.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Lê Văn Tuấn K khai nhận hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung bản án sơ thẩm.

- Bị hại Phạm Thị Ngọc H có ý kiến giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị tăng nặng hình phạt đối với bị cáo và buộc bị cáo bồi thường cho chị tổng cộng

139.000.000 đồng. Bị cáo đã bồi thường 45.000.000 đồng nên phải bồi thường tiếp cho chị số tiền 94.000.000 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị hại Phạm Thị Ngọc H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo có ý kiến thống nhất quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm, đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị hại Phạm Thị Ngọc H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Phạm Thị Ngọc H có ý kiến cho rằng, hành vi phạm tội của bị cáo có tính chất côn đồ, nhân thân xấu và mặc dù trong giai đoạn điều tra, gia đình bị cáo có bồi thường một phần thiệt hại nhưng không đáng kể so với thiệt hại thực tế bị cáo đã gây ra. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị hại, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Qua khai nhận của bị cáo Lê Văn Tuấn K và bị hại Phạm Thị Ngọc H tại phiên tòa phúc thẩm, đối chiếu các tài liệu, chứng cứ do cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: Xuất phát việc bị từ chối tình cảm nên khoảng 11 giờ ngày 08/10/2023, bị cáo K đã sử dụng con dao xếp bằng kim loại đâm chị H gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể 12% và chị Võ Thị T 04%. Vì thế, bản án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội *"Cố ý gây thương tích"* theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị hại, nhận thấy:

[2.1] Về hình phạt: Về ý thức chủ quan bị cáo nhận thức được rằng, mọi người đều có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng và sức khoẻ; mọi hành vi trái pháp luật gây tổn hại đến sức khỏe của người khác sẽ bị xử lý nghiêm khắc. Thế nhưng, chỉ vì bị từ chối tình cảm mà bị cáo đã sử dụng dao đâm bị hại gây thương tích. Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về sức khỏe của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự và an toàn xã hội tại địa phương nên xử phạt bị cáo hình phạt nghiêm khắc là cần thiết.

Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đến tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, đặc điểm nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Xét thấy, Điều 13 Bộ luật Hình sự quy định: "*Người phạm tội trong tình trạng mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình do*

dùng rượu, bia hoặc chất kích thích mạnh khác, thì vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự".

Tại bản kết luận giám định pháp y tâm thần theo trưng cầu số 115/2024/KLGĐ ngày 12/4/2024 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Tây Nam Bộ - Bộ Y tế kết luận nguyên nhân hình thành bệnh của bị cáo là *"Do đương sự sử dụng kéo dài nhiều loại ma túy và chất tác động tâm thần".* Như vậy, hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi là do bị cáo sử dụng chất cấm ma túy, không phải là bệnh lý được quy định trong y học, nên cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm q khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là không phù hợp quy định của pháp luật. Tuy nhiên, xét thấy xử phạt bị cáo 03 năm tù là phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Do đó, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo đề nghị tăng nặng hình phạt đối với bị cáo của bị hại và ý kiến đề nghị của Luật sư, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt.

[2.2] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm, chị H yêu cầu buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho chị chi phí điều trị 10.000.000 đồng, tiền công lao động 2.500.000 đồng, chi phí người nuôi bệnh 5.000.000 đồng, chi phí bồi dưỡng sức khỏe 4.500.000 đồng và bồi thường tổn thất tinh thần 117.000.000 đồng, tổng cộng là 139.000.000 đồng.

Xét bản án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu của chị H, buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường chi chi phí điều trị 10.000.000 đồng, thu nhập của người bệnh và người nuôi bệnh 5.000.000 đồng, chi phí bồi dưỡng phục hồi sức khoẻ 4.500.000 đồng và bồi thường tổn thất tinh thần 58.500.000 đồng, tổng cộng 78.000.000 đồng là phù hợp. Do đó, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo tăng mức bồi thường thiệt hại của chị H.

[3] Quan điểm của Viện kiểm sát và ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo, đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị hại Phạm Thị Ngọc H; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 74/2024/HS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Tuyên bố bị cáo Lê Văn Tuấn K phạm tội "Cố ý gây thương tích";

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn Tuấn K 03 (ba) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày 05/02/2024.

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự và các Điều 357; Điều 584; Điều 585; Điều 590 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Lê Văn Tuấn K có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm cho chị Phạm Thị Ngọc H số tiền 78.000.000 đồng. Bị cáo đã bồi thường 45.000.000 đồng nên phải bồi thường tiếp số tiền còn lại là 33.000.000 đồng.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bị cáo K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tại thời điểm thanh toán.

3. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo K không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm và dân sự phúc thẩm.

4. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh TG;
- Trại tạm giam CA tỉnh TG;
- Sở tư pháp tỉnh TG;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh TG;
- TAND huyện C;
- VKSND huyện C;
- Công an huyện C;
- THADS huyện C;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Tuấn